

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2019

“V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Thi
2. Bà Trịnh Trần Tuyết Trinh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thái, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 187/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Kim Ch, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ 4, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Bá D, sinh 1974, địa chỉ tổ 10, khóm V, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bà Trịnh Thị Kim Ch trình bày:

Năm 1998, Bà Trịnh Thị Kim Ch và Ông Nguyễn Bá D tự tìm hiểu nhau, sau đó có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng sau đó thì ông D bỏ bê gia đình, vợ chồng từng mâu thuẫn trầm trọng và Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc đã xét xử vào ngày 12/9/2017. Do ông D xin đoàn tụ và

hứa sửa đổi, nên Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xử bác đơn xin ly hôn của Bà Ch. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông D không sửa đổi, bỏ đi làm ăn ở Phú Quốc, không lo lắng, chăm sóc, đòai hoài gì đến vợ con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn hạnh phúc nên Bà Ch xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim X, sinh 1999 đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình làm việc và thông báo công khai chứng cứ, hòa giải, ông D không đến nên Tòa án không lấy lời khai được.

Qua xác minh tại Ban Khóm Vĩnh Đông và Vĩnh Đông 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc được biết bà Trịnh Thị Kim Ch và ông Nguyễn Bá D thời gian đầu có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Khóm Vĩnh Đông 1, trước đó sống tại Khóm Vĩnh Đông. Sau đó thì bà Ch về sống tại nhà mẹ ruột. Còn ông D hiện nay Ban khóm chỉ biết là đi làm ăn xa, không có ở địa phương.

Quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không tổng đạt được nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, vì vậy thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc giải quyết vụ án:

Nhận thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm nhau, cùng nhau Cha sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung cùng nhau. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như kết quả xác minh ngày 11/7/2019 đã xác định: Giữa bà Trịnh Thị Kim Ch và Ông Nguyễn Bá D không có mâu thuẫn gì lớn, không bạo lực gia đình. Song, ông D có uống rượu và đi làm ở xa, ít khi về quan tâm vợ con. Hiện ông D không có mặt ở địa phương. Mặc khác, ông D và Bà Ch đã sống ly thân nhiều năm, đã được Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc giải quyết bác đơn xin ly hôn vào năm 2017, tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, xây dựng lại gia đình. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân, từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân

không đạt được. Vì vậy, Bà Ch khởi kiện xin ly hôn với ông D là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung tên Nguyễn Thị Kim X đã trưởng thành, tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Bá D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Ch và ông D tự tìm hiểu nhau nên tổ chức lễ cưới và chung sống chung với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang vào năm 2002 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian ban đầu cả hai chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Bà Ch đã từng gửi đơn xin ly hôn vào năm 2017, và Tòa án thành phố Châu Đốc đã xét xử bác đơn xin ly hôn của bà Ch, lý do ông D có ý kiến xin đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, đến nay ông D vẫn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, cả hai đều bỏ mặc nhau, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau và hiện nay ông D đi làm ăn xa không có tại địa phương. Bà Ch vẫn không biết ông D đi đâu, làm gì. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không cải thiện được. Giữa Bà Ch với Ông D đã không chung sống cùng nhau từ 2017 đến nay, Bà Ch không còn tình cảm với ông D, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được ly hôn với ông Nguyễn Bá D, là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung tên Nguyễn Thị Kim X đã trưởng thành, tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim Ch phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Ch đã nộp.

[5] Giấy chứng nhận kết hôn số 629 quyền số 4/2002 ngày 25 tháng 7 năm 2002 của Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc không còn giá trị pháp lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim Ch.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Kim Ch được ly hôn với Ông Nguyễn Bá D.

[2] Về án phí sơ thẩm:

Bà Trịnh Thị Kim Ch phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0008008 ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Bà Ch đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Bá D không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Giấy chứng nhận kết hôn số 629 quyền số 4/2002 ngày 25 tháng 7 năm 2002 của Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc không còn giá trị pháp lý.

[4] Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn Trịnh Thị Kim Ch có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Bá D là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Thị Ngọc Hà